

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/05/2020

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Ông **Danh On**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 05 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 279/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về *“Tranh chấp xin ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Tấn L**, sinh năm 1993 (*Vắng mặt – Có đơn xin vắng*)

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Chị **Huỳnh Hồng N**, sinh năm 1995 (*Vắng mặt không có lý do*)

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lê Tấn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L với chị Huỳnh Hồng N có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H vào ngày 02/11/2016. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 05/2017 cho đến nay và không còn liên lạc gì với nhau. Do không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân với chị N, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Hồng N.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh L và chị N không có con chung.

- Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống anh L và chị N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh L không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn chị Huỳnh Hồng N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có xuống địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với chị Huỳnh Hồng N tuy nhiên chị N không có mặt tại địa phương. Qua xác minh chính quyền địa phương thì được biết chị Huỳnh Hồng N vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nhưng hiện tại chị N không có mặt tại địa phương. Chị N đi đâu địa phương không nắm rõ. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N đối với yêu cầu xin ly hôn của anh L. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay về cơ bản nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị Huỳnh Hồng N chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự và việc gửi hồ sơ của Tòa án cho Viện kiểm sát còn chậm so với quy định.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Tấn L được ly hôn với chị Huỳnh Hồng N; Về quan hệ con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về quan hệ tài sản: Anh L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra anh L còn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn anh Lê Tấn L khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn chị Huỳnh Hồng N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã N, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Lê Tấn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt; Bị đơn chị Huỳnh Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L và chị N căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Tấn L và chị Huỳnh Hồng N, nhận thấy: Anh L và chị N có tổ chức đám cưới trên tình thân tự nguyện và có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 02/11/2016 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh L trình bày sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ tháng 05 năm 2017 cho đến nay. Đồng thời cả hai cũng không có tìm cách liên lạc hàn gắn tình cảm vợ chồng tự khi ly thân đến nay. Hiện tại anh L không còn tình cảm với chị N và mong muốn được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N, tuy nhiên qua xác minh đối với ông Nguyễn Ngọc N – là trưởng ấp N, bà Nguyễn Thị Bích T – là cán bộ phụ nữ ấp N và ông Trần Tiền P, bà Lê Thị Mỹ N là những người dân sống cùng xóm với vợ chồng anh L, chị N khi hai người còn chung sống thì tất cả những người được xác minh đều xác định giữa anh L và chị N khi còn chung sống có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi nhau và anh chị đã ly thân với nhau từ khoảng năm 2017 cho đến nay, hiện tại mỗi người đã có cuộc sống riêng. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh L và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Tấn L, cho anh Lê Tấn L được ly hôn với chị Huỳnh Hồng N.

[4] Về quan hệ con chung: Anh L xác định quá trình chung sống vợ chồng anh không có con chung. Đồng thời qua xác minh chính quyền địa phương cũng như người người dân ở cùng xóm với vợ chồng anh L chị N như ông Nguyễn Ngọc N – là trưởng ấp N, bà Nguyễn Thị Bích T – là cán bộ phụ nữ ấp N, ông Trần Tiền P, bà Lê Thị Mỹ N – là những người ở cùng xóm đều xác định anh L và chị N không có con chung trong quá trình chung sống. Do đó, Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản: Anh Lê Tấn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Buộc anh Lê Tấn L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Chị Huỳnh Hồng N không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Tấn L. Cho anh Lê Tấn L được ly hôn với chị Huỳnh Hồng N.

2. Về quan hệ con chung: Không có, không đặc ra xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Lê Tấn L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Lê Tấn L phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002850 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Hồng Dân (2b);
- CC.THADS huyện Hồng Dân (1b);
- UBND xã N (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lâm Bé Nhi